



bǎi huò shāng chǎng

百货商场

n. · department store

Example Sentence

nà jiā bǎi huò shāng chǎng lǐ yǒu hěn duō fú zhuāng diàn
那家百货商场里有很多服装店。

There are many clothing shops in that
department store.

Trace each character, then write the word on your own.

百	百	百	百	百	百	百	百	百		
货	货	货	货	货	货	货	货	货	货	货
商	商	商	商	商	商	商	商	商	商	商
商	商	商								
场	场	场	场	场	场	场	场	场		